

Số: /2017/TT-BLĐTBXH
DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP, TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ QUẢN LÝ CÁC CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số.../2017/NĐ-CP ngày...tháng...năm... của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội,

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về cơ cấu tổ chức và định mức nhân viên tại cơ sở trợ giúp xã hội; quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội của cơ sở.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ sở trợ giúp xã hội công lập và cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, gồm:

- a) Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi.
- b) Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
- c) Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật.
- d) Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí.
- đ) Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp thực hiện việc chăm sóc nhiều đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đối tượng cần trợ giúp xã hội.
- e) Trung tâm công tác xã hội thực hiện việc tư vấn, chăm sóc khẩn cấp hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho đối tượng cần trợ giúp xã hội.
- g) Cơ sở trợ giúp xã hội khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỊNH MỨC NHÂN VIÊN

Điều 2. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo cơ sở trợ giúp xã hội gồm có Giám đốc và các Phó Giám đốc.

2. Cơ cấu tổ chức

Căn cứ vào số lượng đối tượng có nhu cầu trợ giúp xã hội trên địa bàn, quy mô trợ giúp đối tượng và chức năng, nhiệm vụ của của cơ sở trợ giúp xã hội, cơ cấu tổ chức của cơ sở trợ giúp xã hội được xác định theo các nhóm công việc gồm:

a) Hành chính-Tổng hợp;

b) Tư vấn và trợ giúp đối tượng;

c) Chăm sóc khẩn cấp;

d) Công tác xã hội;

đ) Chăm sóc dài hạn;

e) Y tế-Phục hồi chức năng;

g) Các phân khu chức năng (Khu chẩn đoán, đánh giá, phân loại; Khu can thiệp, trị liệu; Khu giáo dục phục hồi chức năng cơ bản; Khu hỗ trợ tạo khả năng tái hòa nhập cộng đồng);

h) Đào tạo và phát triển cộng đồng;

i) Khoa hoặc bộ phận khác.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Giám đốc cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức của cơ sở.

Điều 3. Vị trí việc làm

Vị trí việc làm tại cơ sở trợ giúp xã hội gồm:

1. Nhóm vị trí việc làm gắn với các nhiệm vụ quản lý, điều hành:

a) Giám đốc;

b) Phó Giám đốc;

c) Trưởng phòng;

d) Phó trưởng phòng;

đ) Trưởng khoa;

e) Phó trưởng khoa.

2. Nhóm vị trí việc làm gắn với các nhiệm vụ chăm sóc, trợ giúp tại cơ sở trợ giúp xã hội:

a) Nhân viên công tác xã hội;

b) Nhân viên tâm lý;

c) Nhân viên tư vấn, tham vấn;

d) Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng;

đ) Nhân viên y tế;

- e) Nhân viên phụ trách dinh dưỡng;
- g) Nhân viên phục hồi chức năng;
- h) Giáo viên dạy văn hóa;
- i) Giáo viên dạy nghề;
- k) Vị trí việc làm khác.

3. Nhóm vị trí việc làm gắn với nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ:

- a) Kế toán;
- b) Hành chính;
- c) Tổ chức;
- d) Thủ quỹ;
- đ) Văn thư;
- e) Tổng hợp;
- g) Lái xe;
- h) Bảo vệ.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Giám đốc cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập quyết định vị trí việc làm, người làm việc của cơ sở cho phù hợp để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

Điều 4. Định mức nhân viên

1. Giám đốc: Mỗi cơ sở trợ giúp xã hội có 01 Giám đốc.
2. Phó Giám đốc: Mỗi cơ sở trợ giúp xã hội có không quá 03 Phó Giám đốc.
3. Trưởng phòng, phó trưởng phòng:
 - a) Trưởng phòng: Mỗi phòng chuyên môn, chức năng có 01 Trưởng phòng.
 - b) Phó trưởng phòng: Mỗi phòng chuyên môn, chức năng có không quá 02 Phó trưởng phòng.
4. Nhân viên công tác xã hội
 - a) Đối với trẻ em: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp từ 10 đến 20 đối tượng.
 - b) Đối với người khuyết tật: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp từ 20 đến 30 đối tượng.
 - c) Đối với người cao tuổi: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp từ 30 đến 40 đối tượng.
 - d) Đối với người mắc bệnh tâm thần: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp từ 10 đến 20 đối tượng.
 - đ) Đối với đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp từ 05 đến 10 đối tượng
 - e) Đối tượng cần sự trợ giúp khác: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp từ 30 đến 40 đối tượng.

5. Nhân viên tâm lý: 01 nhân viên tâm lý phụ trách tối đa 10 đối tượng.
6. Nhân viên tư vấn, tham vấn: 01 nhân viên tư vấn, tham vấn phụ trách tối đa 10 đối tượng.
7. Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng:
 - a) Nhân viên chăm sóc trẻ em: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách 01 trẻ em dưới 18 tháng tuổi, tối đa 6 trẻ em bình thường từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi hoặc tối đa 10 trẻ em bình thường từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi; chăm sóc tối đa 04 trẻ em khuyết tật hoặc tâm thần hoặc nhiễm HIV/AIDS từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi, chăm sóc tối đa 05 trẻ em khuyết tật hoặc tâm thần hoặc nhiễm HIV/AIDS từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi.
 - b) Nhân viên chăm sóc người khuyết tật: 01 nhân viên chăm sóc tối đa 10 người khuyết tật còn tự phục vụ được hoặc tối đa 04 người khuyết tật không tự phục vụ được.
 - c) Nhân viên chăm sóc người cao tuổi: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người cao tuổi còn tự phục vụ được hoặc tối đa 4 người cao tuổi không tự phục vụ được.
 - d) Nhân viên chăm sóc người tâm thần: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 2 người tâm thần đặc biệt nặng, tối đa 04 người tâm thần nặng hoặc tối đa 10 người tâm thần đã phục hồi, ổn định.
 - đ) Nhân viên chăm sóc người lang thang: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 12 người lang thang (định mức này sử dụng cho các đợt tiếp nhận người lang thang vào cơ sở chờ đánh giá, đưa về địa phương).
8. Nhân viên y tế: 01 nhân viên y tế phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho tối đa 50 đối tượng.
9. Nhân viên phụ trách dinh dưỡng: 01 nhân viên phục vụ tối đa 20 đối tượng.
10. Nhân viên phục hồi chức năng: 01 kỹ thuật viên hướng dẫn phục hồi chức năng cho tối đa 05 đối tượng.
11. Giáo viên dạy văn hóa, dạy nghề: 01 giáo viên phụ trách dạy văn hóa, dạy nghề cho tối đa 09 đối tượng.
12. Vị trí việc làm gián tiếp tối đa không quá 20% tổng số nhân lực cơ sở trợ giúp xã hội, gồm: Kế toán, hành chính, thủ quỹ, văn thư, tổng hợp, lái xe, bảo vệ.

Chương III

TIÊU CHUẨN CHĂM SÓC TẠI CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Điều 5. Quy trình trợ giúp xã hội

Cơ sở thực hiện quy trình trợ giúp đối tượng theo các bước dưới đây:

1. Tiếp nhận thông tin, nhu cầu của đối tượng; tổ chức sàng lọc và phân loại đối tượng.
2. Đánh giá về tâm sinh lý, tình trạng sức khỏe và các nhu cầu của đối tượng.
3. Lập kế hoạch trợ giúp đối tượng.
4. Thực hiện kế hoạch trợ giúp.
5. Thu thập dữ liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá sự tiến triển của đối tượng; giám sát, đánh giá các hoạt động chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc nếu cần thiết.
6. Lập kế hoạch dừng trợ giúp và hỗ trợ hoà nhập cộng đồng cho các đối tượng.

Điều 6. Tiêu chuẩn về môi trường, khuôn viên và nhà ở

1. Môi trường và khuôn viên của cơ sở bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

- a) Cơ sở phải đặt tại địa điểm thuận tiện về tiếp cận giao thông; môi trường có cây xanh, không khí trong lành có lợi cho sức khỏe của đối tượng;
- b) Có hệ thống thoát nước; có nơi đổ rác, chất thải thường xuyên và các biện pháp xử lý rác, chất thải phù hợp;
- c) Công cơ sở có biển ghi tên và địa chỉ rõ ràng; có tường rào và đèn chiếu sáng nhằm đảm bảo sự an toàn cho cơ sở trợ giúp xã hội;
- d) Có phòng tang lễ, nhà thắp hương cho đối tượng qua đời;
- đ) Đối với cơ sở ở khu vực nông thôn, miền núi có ít nhất một khu vườn, cột cờ và không gian phù hợp cho đối tượng tập thể dục, vui chơi và thể thao. Nếu có ao, hồ thì cần được rào lại, bảo đảm an toàn cho đối tượng; có khu đất để tăng gia, sản xuất phục vụ cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày tại cơ sở; khu chăn nuôi gia súc, gia cầm cách xa khu vực văn phòng và nhà ở.

2. Cơ sở vật chất của cơ sở bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

- a) Hệ thống nhà làm việc, nhà ở phải kiên cố, đảm bảo an toàn, tránh được mưa bão;
- b) Cửa ra vào, cửa sổ cung cấp đủ ánh sáng và bảo đảm thông thoáng;
- c) Các hệ thống bảo đảm an toàn cho đối tượng, bao gồm việc lắp đặt các hệ thống điện, gas và thoát nước một cách phù hợp;
- d) Nhà vệ sinh, nhà tắm phù hợp với các nhóm đối tượng, bao gồm cả người khuyết tật; có nhà vệ sinh, nhà tắm riêng cho phụ nữ;
- đ) Sắp xếp việc ngủ, nghỉ cho đối tượng phù hợp với độ tuổi và giới tính;
- e) Có khu sinh hoạt chung cho đối tượng trong thời gian rảnh rỗi;
- g) Có khu vui chơi, khu sản xuất và lao động trị liệu cho người tâm thần;
- h) Có bếp và phòng ăn chung cho đối tượng;
- i) Có phòng y tế để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho đối tượng;
- k) Có trang thiết bị cần thiết cho người khuyết tật;
- l) Các công trình, các trang thiết bị phải bảo đảm cho người khuyết tật, người cao tuổi và trẻ em tiếp cận và sử dụng thuận tiện.

Điều 7. Tiêu chuẩn về y tế, vệ sinh, quần áo và dinh dưỡng

Cơ sở bảo đảm đối tượng được chăm sóc theo các tiêu chuẩn sau:

1. Chăm sóc y tế

Cơ sở có cán bộ y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, tủ thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết; điều trị và mở sổ theo dõi; kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho từng đối tượng. Đối với cơ sở có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có cán bộ và trang thiết bị phục hồi chức năng cho đối tượng.

2. Vệ sinh và đồ dùng sinh hoạt

- a) Cung cấp đầy đủ nước uống sạch và bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày cho đối tượng;
- b) Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân, gồm xà phòng tắm, khăn tắm, khăn mặt, kem đánh răng và bàn chải đánh răng riêng;
- c) Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ, gồm giường nằm, chiếu, gối, chăn, màn;
- d) Có nội quy riêng của cơ sở trợ giúp xã hội quy định dọn dẹp vệ sinh và vệ sinh cá nhân.

3. Quần áo

Đối tượng được trang bị quần áo đồng phục đi học (Đối với trẻ trong độ tuổi đi học), tất và dép được cung cấp ít nhất 6 tháng/01 lần và được thay thế trong trường hợp bị hư hỏng, mất và quần áo mặc đủ ấm về mùa đông.

4. Dinh dưỡng

- a) Cung cấp ít nhất ba bữa ăn sáng, trưa và tối mỗi ngày;
- b) Bảo đảm dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm (Thịt, cá, đậu nành, chất bột đường, ngũ cốc, rau quả);
- c) Có chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho những đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng, người cao tuổi và những đối tượng có chế độ ăn kiêng theo bệnh tật, theo tôn giáo hay tín ngưỡng.

Điều 8. Tiêu chuẩn về giáo dục và học nghề

Cơ sở bảo đảm cung cấp cho đối tượng được học văn hóa (Đối với người có khả năng học tập); được học nghề (Đối với trẻ em từ 13 tuổi trở lên và những người có khả năng lao động và có nhu cầu học nghề), cụ thể:

1. Bảo đảm phổ cập giáo dục theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009.
2. Cung cấp giáo dục chính quy hoặc không chính quy trong các trường công lập, dân lập hoặc các cơ sở trợ giúp xã hội.
3. Giáo dục đối tượng về đạo đức xã hội, vệ sinh, kiến thức phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản và các chủ đề khác phù hợp với độ tuổi và giới tính.
4. Hướng dẫn đối tượng các phương pháp tự phòng tránh buôn bán, lạm dụng, bạo hành và bóc lột.
5. Cung cấp sách vở, tài liệu học tập và bố trí nơi học tập cho đối tượng.
6. Tư vấn để đối tượng tự lựa chọn học nghề và phù hợp với điều kiện của địa phương.
7. Đối tượng được hỗ trợ học tiếp lên hoặc học nghề tùy thuộc vào độ tuổi, sự lựa chọn và nhu cầu thị trường.

Điều 9. Tiêu chuẩn về văn hóa, thể thao, thể dục và giải trí

Cơ sở bảo đảm cho đối tượng:

1. Về văn hóa:

- a) Môi trường văn hóa có sự quan tâm, chia sẻ và hỗ trợ đối tượng thể hiện tình cảm, suy nghĩ, ý tưởng và sự sáng tạo;

- b) Có cơ hội tham gia vào các hoạt động tôn giáo và xã hội;
- c) Học văn hóa truyền thống dân tộc và tôn trọng quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam;
- d) Có quyền lựa chọn tôn giáo mà không bị phân biệt đối xử, không bị ép buộc theo một tôn giáo để được chăm sóc trong cơ sở.

2. Về thể thao, thể dục, vui chơi, giải trí

- a) Tham gia vào các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí phù hợp với lứa tuổi và người dân ở cộng đồng; hỗ trợ cho người khuyết tật tham gia một cách an toàn vào các hoạt động kể trên;
- b) Được tạo điều kiện để làm quen, kết bạn với những người sống xung quanh, bạn học ở trường và cộng đồng; gặp gỡ với gia đình hoặc những người thân, bạn bè, trừ một số trường hợp có khả năng đe dọa đến sự an toàn của đối tượng.

Điều 10. Các hành vi vi phạm

1. Lợi dụng việc thành lập cơ sở để thực hiện các hành vi sau:

- a) Xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và cộng đồng; gây phương hại đến an ninh quốc gia và đoàn kết dân tộc;
- b) Xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc;
- c) Thực hiện các hoạt động trái pháp luật.

2. Làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập, giấy phép hoạt động dưới bất kỳ hình thức nào.

3. Đánh đập, nhốt đối tượng vào một nơi tách biệt; trói đối tượng. Trừ một số trường hợp đối tượng có hành vi gây nguy hại, ảnh hưởng đến sự an toàn của các đối tượng khác.

4. Không cho đối tượng ăn, uống hoặc ngủ.

5. Buộc đối tượng mặc những loại quần áo dị thường hoặc không phù hợp.

6. Ngừng chăm sóc y tế cho đối tượng.

7. Dùng đối tượng này để kỷ luật đối tượng khác; đe dọa hoặc mắng nhiếc, xúc phạm đối tượng bằng những từ ngữ thiếu lịch sự, thô tục.

8. Buộc đối tượng làm những việc quá sức.

9. Ép buộc theo hoặc không theo các tôn giáo.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Điều khoản thi hành

- 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2017.
- 2. Bãi bỏ Thông tư số 04/2011/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 2 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ sở trợ giúp xã hội và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Cục BTXH.

Đào Ngọc Dung